

PHONG TỤC TANG MA CỦA NGƯỜI MÔNG Ở MIỀN NÚI THANH HÓA: NGHI LỄ TRUYỀN THỐNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI TRONG ĐỜI SỐNG ĐƯƠNG ĐẠI

NGUYỄN THỊ VIỆT HƯNG* - LÊ THỊ HIỀN**

Tóm tắt: Bài báo phân tích mối quan hệ giữa truyền thống và sự biến đổi trong nghi lễ tang ma của người Mông ở miền núi Thanh Hóa. Các nghi thức tang ma truyền thống vẫn được duy trì, phản ánh quan niệm về linh hồn, đạo hiếu và sự cố kết cộng đồng. Tuy nhiên, trước tác động của đời sống đương đại, tang lễ đã có những điều chỉnh đáng kể: thời gian rút ngắn, nghi lễ giản lược, xu hướng tổ chức tiết kiệm và thiết thực hơn, cùng với sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của thế hệ trẻ. Những thay đổi này cho thấy sức sống nội sinh và khả năng thích nghi linh hoạt của văn hóa Mông trong dòng chảy hiện đại hóa, đồng thời khẳng định tính bền vững của các giá trị truyền thống khi được kế thừa và điều chỉnh phù hợp với bối cảnh mới.

Từ khóa: phong tục, tang ma, biến đổi, người Mông, Thanh Hóa

Abstract: This article analyzes the relationship between tradition and transformation in the funeral rituals of the Hmong people in the mountainous areas of Thanh Hoa province. Traditional funeral practices are still preserved, reflecting beliefs regarding the human soul, filial piety, and community cohesion. However, under the impact of contemporary life, these rituals have undergone significant adjustments: ceremonies' shortened durations, simplified procedures as well as the tendency to a more economical and practical way of organizing, along with positive changes in how their younger generations perceive them. These transformations demonstrate the internal vitality and flexible adaptability of Hmong culture in the flow of social progress, while affirming the sustainability of traditional values when inherited and adjusted in accordance with modern contexts.

Keywords: customs, funeral, transformation, Mong people, Thanh Hoa

I. Đặt vấn đề

Người Mông ở vùng miền núi phía Tây tỉnh Thanh Hóa sinh sống chủ yếu ở các xã biên giới. Theo các tài liệu lịch sử và truyền khẩu, người Mông ở đây có nguồn gốc di cư đa dạng: một bộ phận từ Trung Quốc qua các tỉnh miền núi phía Bắc như Hà Giang, Lào Cai; một bộ phận khác di cư từ Lào qua đường Hủa Phăn, chủ yếu định cư tại Mường Lát cách đây khoảng 150-200 năm. Trước năm 1990, dân số người Mông ở Thanh Hóa còn khá ít, nhưng sau làn sóng di cư tự do từ các tỉnh phía Bắc, số lượng đã tăng nhanh, đạt gần 15.000 người vào năm 2007. Người Mông hiện cư trú tại 46 bản thuộc 9 xã biên giới của miền núi Thanh Hóa, trong đó tập trung đông nhất ở các xã Phù Nhi, Trung Lý và Mường Lý

- nơi người Mông chiếm hơn 70% dân số (1). Trong quá trình sinh sống và phát triển tại địa bàn có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, người Mông ở miền núi Thanh Hóa vẫn giữ gìn và phát huy được những giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, tạo nên một kho tàng văn hóa dân gian phong phú. Trong số đó, phong tục tang ma là một biểu hiện tiêu biểu, vừa phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan, vừa thể hiện mối quan hệ xã hội và tâm linh sâu sắc của tộc người. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện đại hóa và toàn cầu hóa hiện nay, nhiều yếu tố truyền thống trong tang ma của người Mông đang dần mai một hoặc bị biến đổi. Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại một số hủ tục trong tang lễ gây ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống cộng đồng.

Bài viết sử dụng các phương pháp điền dã dân tộc học, phỏng vấn sâu, phân tích tài liệu nhằm làm rõ đặc điểm các nghi lễ tang ma truyền thống của người Mông ở miền núi Thanh Hóa, phân tích chỉ ra những biểu hiện biến đổi trong giai đoạn hiện nay, từ đó đưa ra một số định hướng nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, đồng thời hạn chế các yếu tố tiêu cực trong thực hành tang ma của cộng đồng này.

Nghi lễ tang ma truyền thống của người Mông ở Thanh Hóa

Báo tin gia đình có người chết và chuẩn bị tang lễ

Khi trong gia đình có người lâm trọng bệnh, người con trai cả thường được giao trách nhiệm nâng người bệnh dậy để thực hiện nghi thức “nhìn trời, nhìn đất, nhìn người thân lần cuối”. Khi người bệnh qua đời, thi hài được đặt xuống nền đất, cạnh gian bếp lửa - nơi được xem là âm cúng và linh thiêng. Một thành viên trong dòng họ sẽ thổi ba hồi tù và, đồng thời bắn ba phát súng kíp (trước đây là hình thức phổ biến) để báo tin tang sự đến cộng đồng.

Ngay sau tín hiệu báo tang, hàng xóm và dòng họ sẽ đến hỗ trợ tang chủ các công việc như: khâu liệm, mời thầy cúng, mượn trống tang và chuẩn bị các nghi lễ cần thiết. Một nhóm người có trách nhiệm đặc biệt sẽ được phân công gồm: trưởng họ (chủ lễ), thầy chỉ đường (dẫn linh hồn về với tổ tiên), tang quản (phụ trách việc hậu cần), thầy khèn, thầy trống và các nhóm khách viếng gọi là “gốc khách”.

Chiếc trống tang được sử dụng là một vật linh thiêng, thuộc sở hữu của dòng họ, do hộ độc thân bảo quản. Trống chỉ được dùng trong tang lễ và có các quy định nghiêm ngặt trong việc vận chuyển và sử dụng. Trong lúc chờ đón các thầy cúng, người nhà tiến hành nghi thức “rửa mặt” cho người chết bằng nước tẩy từ củi đang cháy, đồng thời làm lễ dẫn hồn bằng việc cúng gà trống - loài vật được xem là dẫn đường cho linh hồn. Sau đó, người chết được mặc trang phục truyền thống, gồm: khăn đội đầu, khăn che mặt, áo váy, tất, giày và túi đựng cơm. Trang phục này vừa mang ý nghĩa tôn vinh người quá cố, vừa chuẩn bị hành trang cho hành trình sang thế giới bên kia.

Nghi thức cúng trong tang lễ

Trong tang lễ của người Mông ở Thanh Hóa, nghi thức cúng và chỉ đường cho linh hồn là phần quan trọng nhất, phản ánh quan niệm về linh hồn, thế giới bên kia và mối liên hệ giữa người sống - người chết. Người Mông tin rằng sau khi qua đời, linh hồn phải trở về với tổ tiên; nếu không có sự dẫn dắt sẽ lạc lối, hóa thành “ma đói” và gây hại cho người

sống. Vì vậy, thầy cúng giữ vai trò trung tâm trong việc chỉ đường cho linh hồn.

Khi thầy cúng tới nhà tang chủ, người thân quý lay trao ông đoạn ống trúc - biểu tượng cây gậy dẫn đường. Ông trúc được bỏ đôi để gieo quẻ: hai mảnh cùng sấp nghĩa là linh hồn chưa muốn rời đi; hai ngửa là ra đi thanh thản; một sấp một ngửa là đã chấp nhận hành trình. Thầy cúng còn làm một chiếc ô giấy bản - che chở linh hồn trên đường về âm giới. Nếu gấp ô vừa hết giấy là chết “đúng số”, còn dư giấy thì thường do chết yếu hay bệnh tật.

Trong nghi thức chính, gia đình chuẩn bị liễn cơm “mèn mèn”, con gà trống non chẻ đôi, cắm ô giấy và chén rượu đặt cạnh đầu thi thể. Thầy cúng mời linh hồn ăn cơm, uống rượu và rửa mặt lần cuối bằng vải lanh trắng, rồi đốt mảnh vải để đoán kiếp sau của người chết. Ông vừa hành lễ vừa đọc, hát bài tiễn linh, tái hiện vũ trụ quan, nguồn gốc con người, hành trình sinh tử và tình cảm ly biệt, khiến tang lễ trở nên linh thiêng và cộng cảm. Khi lễ cúng hoàn tất, người thân mới được khóc thành tiếng. Thầy khèn tiếp tục thổi những điệu khèn mô tả hành trình linh hồn và bày tỏ nỗi xót xa trước cái chết sớm phản ánh triết lý nhân sinh sâu sắc và sự đồng cảm của cộng đồng đối với người đã khuất.

Lễ phúng viếng

Lễ phúng viếng không chỉ là một hành động biểu thị lòng thương tiếc đối với người đã khuất, mà còn thể hiện sự gắn kết cộng đồng, tinh thần tương trợ và mối quan hệ xã hội giữa các gia đình, dòng tộc. Những người đến viếng, gọi là “gốc khách” (họ hàng, thông gia, bạn hữu thân thiết), khi đến sẽ được chủ tang quý đón ngoài cổng và cùng nắm tay vào nhà. Hai bên chào hỏi, dâng lễ (giấy tiền, rượu, gạo, thịt gà/ lợn/ bò...) và khóc viếng để tỏ lòng chia buồn. Một nghi thức quan trọng là “bón cơm” cho người chết: đặt bát mèn mèn cạnh quan tài, phần cơm tượng trưng sau đó được rải dọc đường đưa tang để tránh ma đói quấy rối. Nếu có người biết thổi khèn, sẽ diễn tấu tiễn biệt. Thầy khèn của chủ tang mời thầy khèn của gốc khách đối khèn, sau đó mời rượu, hút thuốc như một nghi thức tâm linh. Kết thúc, chủ nhà mời khách dùng bữa cơm chia buồn từ lễ vật - thể hiện sự sẻ chia và nghĩa tình. Tiền phúng được ghi lại để sau này “đáp lễ” theo tập tục vay, trả. Trước khi về, gốc khách được mời hai chén rượu: một để chia buồn, một tiễn biệt người mất. Nếu không uống được, phải nhờ người khác uống thay để tránh hiểu lầm, vì đây là nghi thức bắt buộc thể hiện tôn trọng.

Lễ chôn cất

Người Mông thường tổ chức chôn cất vào sáng hôm sau sau khi hoàn tất lễ nhập quan và phúng viếng. Trước khi đưa tang, toàn bộ vàng mã, giấy tiền và lễ vật sẽ được đốt tại nhà để tiễn linh hồn người chết. Đoàn tang di chuyển trang nghiêm ra khu chôn cất, thường gần núi, xa khu dân cư, dưới sự dẫn dắt của đội khèn trống. Đi đầu là người thổi khèn, tiếp theo là phụ nữ cầm bó cỏ tranh cháy (biểu tượng ánh sáng dẫn đường), sau đó là đoàn khiêng quan tài và người thân đi sau. Một nghi lễ quan trọng là hiến sinh trâu, bò tại nơi an táng. Con vật được buộc dây nối với quan tài như “của cải” cho linh hồn mang theo. Việc giết mổ diễn ra cùng tiếng khèn trống và múa nghi lễ tái hiện ký ức kháng chiến chống “ma giặc Hán”. Thịt hiến sinh được nấu thành bữa cơm chia tay ngay tại nghĩa địa, mọi người không phân biệt tuổi tác, vai vế cùng ngồi ăn chung, thể hiện tinh thần cộng đồng và lòng hiếu nghĩa với người đã khuất. Trước khi hạ huyệt, thầy cúng mở nắp quan tài ba lần để người chết “nhìn trời lần cuối”, rồi cắt một góc áo nhằm đánh lừa ma xấu rằng linh hồn này nghèo khó. Khi quan tài hạ xuống, tiếng khèn vang lên lần cuối tiễn đưa người chết về với tổ tiên. Kết thúc tang lễ, gia đình tổ chức bữa cơm cảm ơn những người đã giúp đỡ thể hiện lòng biết ơn và tình làng nghĩa xóm.

Lễ ma khô

Lễ ma khô là nghi lễ đánh dấu sự kết thúc của giai đoạn để tang và hoàn tất hành trình tiễn biệt người đã khuất trong quan niệm văn hóa của người Mông. Sau khi chôn cất khoảng 13 ngày, hoặc có thể kéo dài tới vài tháng hay vài năm tùy vào điều kiện kinh tế của từng gia đình, lễ ma khô được tổ chức để tiễn linh hồn người chết về đoàn tụ vĩnh viễn với tổ tiên, đồng thời chấm dứt những kiêng kỵ, ràng buộc nghiêm ngặt đối với người thân trong gia đình. Nghi lễ này thể hiện sự chuyển tiếp rõ ràng giữa trạng thái “chết” tạm thời và cái “chết” hoàn toàn trong tâm thức người Mông, khi linh hồn đã yên vị và người sống được trở lại đời sống bình thường.

Lễ ma khô bắt đầu bằng nghi thức “rước hồn” người chết về nhà thông qua một hình nhân bằng rơm hoặc vải, tượng trưng cho linh hồn. Hình nhân được đặt trên nia cùng cơm mèn mèn, rượu, trứng và đôi đũa, thể hiện lòng hiếu khách. Thầy cúng mời linh hồn nhập vào hình nhân để trở về nhà dự lễ lần cuối. Khi về đến nhà, linh hồn được “mời” ăn cơm, uống rượu và nghe hát trong bầu không khí trang nghiêm, thanh thản. Đây là thời khắc chia ly trọn vẹn giữa

người sống và người đã khuất. Lễ ma khô cũng giúp giải tỏa tâm lý và xã hội cho người thân. Trước lễ, gia đình phải kiêng kỵ nhiều điều trong sinh hoạt; sau lễ, cuộc sống mới chính thức trở lại bình thường. Phụ nữ góa chồng có thể bắt đầu xây dựng cuộc sống mới, nhưng không được mang theo tài sản hay con cái - phản ánh quy ước nghiêm ngặt về hôn nhân trong văn hóa Mông. Dù đơn giản hơn tang lễ chính, lễ ma khô khẳng định linh hồn đã an vị nơi tổ tiên và gia đình đã hoàn thành trách nhiệm cuối cùng với người mất.

Sự biến đổi trong nghi lễ tang ma của người Mông ở Thanh Hóa hiện nay

Thứ nhất, một trong những thay đổi rõ nét trong phong tục tang ma của người Mông ở miền núi Thanh Hóa là thời gian tổ chức được rút ngắn đáng kể. Trước kia, thi hài thường lưu tại nhà 7-10 ngày để bà con ở xa kịp về, thể hiện lòng hiếu thảo và nghĩa tình, giúp linh hồn người chết không cô đơn trên hành trình về với tổ tiên. Ngày nay, nhờ giao thông, phương tiện liên lạc và mạng xã hội phát triển, việc báo tin tang nhanh chóng hơn, người thân có thể kịp về chịu tang, nên thời gian tang lễ chỉ còn 3-5 ngày, phù hợp với nhịp sống hiện đại. Sự thay đổi này giúp gia đình giảm chi phí hậu sự, tiết kiệm thực phẩm, hạn chế giết mổ gia súc tiếp đãi khách, đồng thời giảm nguy cơ ô nhiễm không khí do thiếu điều kiện bảo quản thi thể ở vùng núi. Ngoài ra, tang lễ ngắn gọn cũng giúp gia đình sớm ổn định tâm lý, quay lại lao động sản xuất. Tuy thời gian rút ngắn, người Mông vẫn giữ đầy đủ các nghi thức chính, nhưng thực hiện với thời lượng phù hợp hơn. Điều này thể hiện khả năng thích nghi linh hoạt, chọn lọc của cộng đồng trước yêu cầu của cuộc sống hiện đại. Việc giữ được tinh thần cốt lõi mà không cứng nhắc duy trì những yếu tố hình thức đã lỗi thời chính là biểu hiện tích cực của quá trình biến đổi văn hóa, nơi truyền thống và hiện đại được kết nối hài hòa.

Thứ hai, sự giản lược nghi lễ nhưng vẫn giữ được tinh thần và khung nghi thức cốt lõi là biểu hiện rõ nét trong quá trình biến đổi phong tục tang ma của người Mông. Trong bối cảnh hiện đại, khi điều kiện sống và quỹ thời gian của các gia đình không còn dư dả như trước, nhiều nghi lễ truyền thống được tối giản về thời lượng và quy mô. Điển hình là lễ ma khô, trước đây kéo dài 1 ngày 1 đêm với nhiều nghi lễ, diễn xướng, ăn uống và tái hiện đời sống linh hồn, nay chỉ còn diễn ra trong một đêm và một buổi sáng, giảm gần một nửa thời gian. Bên cạnh đó, các nghi thức phức tạp như mời thầy cúng, chọn giờ đẹp theo lịch âm, hay chuẩn

bị lễ vật cầu kỳ cũng được điều chỉnh cho phù hợp hơn, dễ thực hiện và gần gũi với lớp trẻ. Việc giản lược nghi thức trong tang lễ người Mông hiện nay là minh chứng cho quá trình “chắt lọc truyền thống”, giữ lại những yếu tố cốt lõi về tín ngưỡng, tâm linh và đạo lý, đồng thời loại bỏ hoặc tinh giản những chi tiết không còn phù hợp với thực tế hiện nay.

Thứ ba, trong đời sống hiện đại, quan điểm của người Mông về việc tổ chức tang ma dần chuyển từ phô trương hình thức sang thiết thực, tiết kiệm, tránh lãng phí. Trước kia, việc tổ chức tang lễ lớn, giết mổ nhiều gia súc, chuẩn bị rượu, cơm nếp, bánh trái, vàng mã... được xem là thước đo danh dự dòng họ và đạo hiếu với người đã khuất. Càng nhiều khách viếng thì tang chủ càng phải tăng mức chuẩn bị, bởi đó là cách để khẳng định “đức hạnh” và “tiếng thơm” mà người mất để lại. Quan niệm ấy vẫn còn tồn tại mạnh mẽ, khiến không ít gia đình, đặc biệt là hộ nghèo, phải vay mượn để “làm ma cho ra ma”. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, ngày càng nhiều gia đình có xu hướng cân nhắc chi tiêu, tổ chức tang lễ gọn hơn, tránh phô trương hình thức. Điều này phản ánh sự dịch chuyển trong tư duy: từ chỗ coi trọng quy mô và sự xa hoa sang chú trọng ý nghĩa tinh thần và tính thiết thực. Dẫu vậy, tâm lý “sĩ diện văn hóa” và sự cạnh tranh ngầm giữa các dòng họ vẫn là rào cản lớn, khiến quá trình thay đổi diễn ra chậm và không đồng đều.

Thứ tư, một biến đổi đáng chú ý trong phong tục tang ma của người Mông ở Thanh Hóa là sự thay đổi trong hình thức phúng viếng và cách quản lý các khoản hỗ trợ từ cộng đồng. Trước kia, người đến viếng thường mang theo hiện vật như gạo, rượu, thịt, gia cầm, thậm chí cả trâu bò, nhằm hỗ trợ gia chủ trong suốt thời gian tang lễ kéo dài. Điều này thể hiện tinh thần cộng đồng bền chặt và tính tương trợ cao. Ngày nay, cùng với sự phát triển kinh tế và hiện đại hóa, hình thức phúng viếng chuyển dần sang tiền mặt, phản ánh sự chuyển dịch từ văn hóa hiện vật sang văn hóa tiền tệ, cũng như khả năng thích ứng của người Mông với nền kinh tế thị trường. Hiện nay, các gia đình thường lập sổ tang hoặc bảng ghi chi tiết họ tên, số tiền hoặc lễ vật phúng viếng, kèm theo quan hệ hoặc địa chỉ để thuận tiện cho việc “trả lễ” sau này. Việc ghi chép này vừa minh bạch tài chính, vừa phản ánh rõ nét văn hóa “vay - trả” mang tính đối ứng trong cộng đồng. Theo đó, khi một gia đình tổ chức tang lễ, các hộ từng nhận hỗ trợ trước đó sẽ chủ động đáp lễ, duy trì sự công bằng và gắn kết cộng đồng.

Thứ năm, nhận thức của thế hệ trẻ người Mông về tang lễ đang chuyển biến theo hướng hiện đại, thực tế và chọn lọc hơn. Nếu trước kia tang lễ được mặc định phải cầu kỳ, đông người, tốn kém thì nay nhiều thanh niên, đặc biệt là những người được tiếp cận giáo dục và môi trường hiện đại, lại ủng hộ hình thức ngắn gọn, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo nghi thức cốt lõi. Họ coi trọng tinh thần hiếu đạo và trách nhiệm hơn là sự phô trương hình thức. Tuy nhiên, quá trình đổi mới trong tang lễ của người Mông không diễn ra dễ dàng hay đồng thuận. Nhiều thanh niên vẫn gặp rào cản từ thế hệ lớn tuổi, những người giữ vai trò quyết định trong tổ chức tang lễ. Với họ, tang ma không chỉ là nghi thức tâm linh, mà còn là biểu tượng thiêng liêng của truyền thống, thể hiện vị thế dòng họ và “đạo làm người”. Vì vậy, mọi sự rút gọn hay thay đổi thường bị xem là thiếu tôn trọng tổ tiên hoặc phá vỡ lệ làng, dẫn đến mâu thuẫn âm ỉ giữa các thế hệ trong gia đình. Mâu thuẫn này phản ánh điểm giao thoa giữa truyền thống và hiện đại, khi những giá trị cũ vẫn có vai trò định hướng đạo đức nhưng cần được điều chỉnh linh hoạt cho phù hợp với xã hội mới. Thế hệ trẻ người Mông đang đóng vai trò quan trọng trong việc “làm mềm” sự thay đổi thông qua đối thoại, thuyết phục và hành xử gương mẫu. Họ không phủ nhận truyền thống, mà chủ động tái cấu trúc nghi lễ tang ma trên nền tảng tôn trọng di sản, nhưng hướng đến sự tiết kiệm, hiệu quả và nhân văn hơn.

Thứ sáu, truyền thông đại chúng, các phong trào văn hóa mới và hoạt động tuyên truyền của chính quyền địa phương đang góp phần quan trọng vào việc thay đổi nhận thức và cách tổ chức tang lễ của người Mông ở Thanh Hóa. Trong bối cảnh hội nhập, các phương tiện truyền thông hiện đại đã trở thành công cụ lan tỏa hiệu quả thông điệp về nếp sống văn minh, trong đó có cải tiến tang lễ cho phù hợp với xã hội hiện đại.

Qua các phong trào như “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “tang ma văn minh, tiết kiệm”, “bản làng không có hủ tục”, chính quyền từng bước đưa tang lễ vào khuôn khổ pháp lý và đạo đức xã hội. Nhiều bản người Mông đã đăng ký xây dựng mô hình điểm, loại bỏ dần các hủ tục như: đắp thi hài trên giàn tre lâu ngày gây mất vệ sinh; chôn cất gần nhà ảnh hưởng môi trường; hay tổ chức tang lễ kéo dài, tốn kém. Những tập tục này đang dần được thay bằng hình thức chôn cất hợp vệ sinh, gọn nhẹ, phù hợp hơn. Những chuyển biến này không chỉ có lợi về mặt kinh tế, sức khỏe, môi trường mà còn giúp hình thành hệ giá trị văn

hóa mới, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại. Đáng chú ý, các mô hình cải tiến này không áp đặt mà khuyến khích theo hướng mềm dẻo, linh hoạt, gắn với vai trò nêu gương của già làng, trưởng bản và hộ tiêu biểu. Việc đưa nội dung tang lễ văn minh vào hương ước, quy ước cộng đồng cũng là cách thể chế hóa phong tục theo hướng tích cực, giúp thay đổi không chỉ là lời kêu gọi mà trở thành cam kết tập thể. Sự phối hợp giữa truyền thống, phong trào văn hóa và chính quyền cơ sở đang là động lực quan trọng trong quá trình chuyển biến tang lễ người Mông, cho thấy hiệu quả của việc kết hợp “sức mạnh mềm” văn hóa và “sức mạnh cứng” từ thể chế, hướng tới xây dựng cộng đồng dân tộc thiểu số phát triển bền vững và đậm đà bản sắc.

Từ những phân tích trên cho thấy, phong tục tang ma của người Mông ở miền núi Thanh Hóa đang trong quá trình biến đổi mạnh mẽ. Sự thay đổi không chỉ đến từ nhu cầu thực tế của đời sống, mà còn từ những tác động của chính sách, truyền thông và quá trình tiếp biến văn hóa. Tuy vậy, trong quá trình chuyển đổi, vẫn cần có sự cân nhắc kỹ lưỡng để không làm mất đi bản sắc văn hóa vốn có, đồng thời loại bỏ các hủ tục gây lãng phí, mê tín, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Việc bảo tồn có chọn lọc và thích ứng linh hoạt là giải pháp phù hợp để duy trì tính bền vững và giá trị nhân văn của nghi lễ tang ma trong đời sống đương đại của người Mông ở miền núi Thanh Hóa.

3. Kết luận

Phong tục tang ma của người Mông ở miền núi Thanh Hóa là một biểu hiện tiêu biểu của bản sắc văn hóa tộc người, thể hiện sâu sắc thế giới quan, nhân sinh quan và mối quan hệ cộng đồng. Các nghi lễ truyền thống như báo tang, cúng chỉ đường, phúng viếng, chôn cất và ma khô không chỉ mang ý nghĩa tâm linh mà còn là dịp để gắn kết cộng đồng và khẳng định đạo lý hiếu nghĩa. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện đại, những biến đổi về kinh tế, xã hội và nhận thức đã làm thay đổi cách thức tổ chức tang lễ. Việc rút ngắn thời gian, tinh giản nghi lễ, chuyển đổi hình thức phúng viếng và thay đổi trong nhận thức thế hệ trẻ cho thấy sự thích nghi linh hoạt của cộng đồng người Mông với đời sống đương đại. Đây là dấu hiệu tích cực của quá trình “chắt lọc truyền thống”, giữ lại giá trị tinh thần cốt lõi và loại bỏ những yếu tố không còn phù hợp. Để phong tục tang ma tiếp tục phát huy giá trị văn hóa trong xã hội hiện đại, cần có định hướng bảo tồn phù hợp. Vai trò của chính quyền, các tổ chức văn hóa và

cộng đồng là hết sức quan trọng trong việc hỗ trợ, hướng dẫn và truyền thông hiệu quả. Chỉ khi có sự đồng thuận và phối hợp chặt chẽ, phong tục tang ma của người Mông ở miền núi Thanh Hóa mới vừa được gìn giữ, vừa được đổi mới theo hướng văn minh, tiết kiệm, góp phần xây dựng đời sống văn hóa mới cho đồng bào dân tộc thiểu số ■

N.T.V.H-L.T.H

1. Mai Văn Tùng, *Đôi nét về bức tranh tộc người huyện Mường Lát*, Tạp chí *Thanh Hóa xưa và nay*, Hội Khoa học Lịch sử Thanh Hóa, 2018, tr.7-11.

Tài liệu tham khảo

1. Cư Hòa Văn, Hoàng Nam, *Dân tộc Mông ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1994.
2. Her-Xiong, Y., & Schroeffer, T., *Walking in two worlds: Hmong end-of-life beliefs & rituals (Đi bộ giữa hai thế giới: Tín ngưỡng và nghi lễ cuối đời của người Mông)*, *Journal of Social Work in End-of-Life & Palliative Care*, 14 (4), 2018, tr.317-338.
3. Hoàng Nam, *Tín ngưỡng và nghi lễ tang ma trong đời sống văn hóa của người Mông*, Tạp chí *Dân tộc học*, (3), 2020, tr.45-52.
4. Lee, G. Y., & Tapp, N., *Culture and customs of the Hmong (Văn hóa và phong tục của người Mông)*, Santa Barbara, CA: Greenwood, 2010.
5. Lưu Hồng Khanh, *Phong tục tang ma của người Mông ở Việt Nam - Một góc nhìn nhân học văn hóa*, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, (2), 2017, tr.37-44.
6. Nguyễn Mạnh Hùng, *Tang ma của người H'Mông ở Suối Giàng*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2010.
7. Nguyễn Thị Song Hà, Võ Thị Mai Phương, *Tín ngưỡng của người H'Mông ở Việt Nam*, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, (1), 2019, tr.65-74.
8. UBND huyện Mường Lát, *Địa chí Mường Lát*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2020.
9. UBND tỉnh Thanh Hóa, Quyết định số 2181/QĐ-UBND ngày 25-6-2013 về việc phê duyệt Đề án tuyên truyền thực hiện nếp sống văn hóa trong tang lễ vùng đồng bào Mông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, Thanh Hóa.
10. Vũ Trường Giang, *Di dân tự do của người Mông ở miền núi Thanh Hóa từ 1990 đến nay*, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 6, 2005, tr.72-78.
11. Vương Duy Quang, *Văn hóa tâm linh của người Mông ở Việt Nam: Truyền thống và hiện tại*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2005.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 5-10-2025; Ngày phản biện, đánh giá, sửa chữa: 25-10-2025; Ngày duyệt đăng: 29-11-2025.